

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Lâm và bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Tâm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 24/9/1991; số căn cước: 030191xxx; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã A, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là thôn T, xã C, thành phố Hải Phòng); nơi ở hiện nay: Thôn C1, xã N, thành phố Hải Phòng. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Xuân Q, sinh ngày 12/8/1991; số căn cước: 030091xxx; địa chỉ: Thôn T, xã C, thành phố Hải Phòng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn (chị Nguyễn Thị Ngọc V) trình bày: Chị và anh Phạm Xuân Q được tự do tìm hiểu nhau khoảng 03 năm và tự nguyện đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng) tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/12/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà và chung sống với nhau ở Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hoà hợp với nhau, nguyên nhân do anh Q chơi bời dẫn đến thất thoát kinh tế, không quan tâm đến vợ con. Chị đã nhiều lần tha thứ và cho cơ hội nhưng anh Q vẫn chơi bời, kinh tế gia đình chỉ do một mình chị gánh vác. Do áp lực về kinh tế nên tháng 4 năm 2021, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở, vợ chồng mỗi người sống một

nơi, không quan tâm đến nhau. Tháng 12/2022, chị đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn để cho anh Q có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Sau đó, chị vẫn sống ở nhà bố mẹ đẻ của chị và chỉ về chung sống với anh Q vào những ngày cuối tuần nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau vì anh Q chơi bời, nợ nần, không quan tâm đến vợ con. Khoảng 3 tháng sau, chị không chung sống với anh Q nữa và lại ở nhà bố mẹ đẻ của chị. Vợ chồng ly thân, không quan tâm, chia sẻ gì với nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị được ly hôn anh Phạm Xuân Q.

Về con chung: Vợ chồng có một con là Phạm Hà V, sinh ngày 26/6/2019; hiện cháu đang ở cùng với anh Q do từ tháng 6/2025 chị cho cháu về chơi với ông bà nội, cuối tuần chị lại đón con về, nay anh Q không cho chị đón con về mà giữ cháu ở nhà ông bà nội. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con vì: Cháu là con gái lại còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ; từ trước đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu; mẹ con chị ở nhà bố mẹ đẻ của chị có phòng riêng, thuận lợi trong việc sinh hoạt và học tập; bố mẹ đẻ của chị còn khỏe phụ giúp chị trong việc chăm sóc cháu. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH đồ chơi thông minh S có mức thu nhập hằng tháng bình quân khoảng 12.000.000 đồng, đủ cho mẹ con chị chi tiêu sinh hoạt nên chị tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn (anh Phạm Xuân Q) trình bày: Anh xác định anh và chị Nguyễn Thị Ngọc V được tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn tại UBND xã như chị V trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau đó anh chị thuê nhà và chung sống tại Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh làm thất thoát về kinh tế nên vợ chồng đã về quê sinh sống vào năm 2021, chị V về ngoại sống còn anh về nhà nội sống. Do không thống nhất được nơi ở nên từ đó đến nay mỗi người sống một nơi. Năm 2022, chị V đã làm đơn ly hôn, Tòa án đã hoà giải và chị V đã rút đơn. Tuy nhiên sau khi rút đơn, vợ chồng vẫn không về chung sống với nhau mà vẫn sống ở nhà bố mẹ đẻ. Nay anh xét thấy vẫn còn tình cảm với chị nên không đồng ý ly hôn, còn chị V vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có một con là Phạm Hà V, sinh ngày 26/6/2019; hiện cháu đang ở cùng với anh, anh nuôi dưỡng cháu từ tháng 6 năm 2025 đến nay. Trước đây cháu ở với chị V tại nhà ông bà ngoại từ tháng 4/2021. Tháng 6/2025, anh đón cháu về nhà nội để cháu học hè và đăng ký nhập học tại trường tiểu học A. Anh có nguyện vọng được nuôi con vì anh có thời gian chăm con hơn chị V, anh muốn gần gũi với con, có ông bà nội phụ giúp anh trong việc chăm sóc con; hiện nay anh đang làm nhân viên văn phòng của Công ty cổ phần C có mức thu nhập hằng tháng bình quân khoảng 10.000.000 đồng nên anh tự nguyện không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo địa phương cung cấp: Anh Phạm Xuân Q, chị Nguyễn Thị Ngọc V có đăng ký thường trú tại địa phương, anh chị kết hôn tại UBND xã A, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng) vào ngày 05/12/2018. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống ở nơi khác, sau đó vợ chồng mâu thuẫn về quan điểm, tính cách nên anh chị về quê sinh sống khoảng từ năm 2021, chị V về nhà ngoại, anh Q về nhà nội. Từ đó anh chị sống mỗi người một nơi, không sống cùng với nhau. Anh chị có một con là cháu Phạm Hà V sinh ngày 26/6/2019.

Tại phiên tòa, chị V xác định chị thực sự không còn tình cảm gì với anh Q nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn anh Q. Hiện con của chị còn nhỏ nên chị đề nghị được nuôi con và chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng cho con. Chị xác định chị có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con tốt hơn anh Q vì chị đi làm Công ty cách nhà chị có 02 km, chị chỉ mất 05 phút đi lại và chị làm giờ hành chính từ 7 giờ 30 phút đến 17 giờ hàng ngày, sáng chị vẫn đưa con đi học, chiều chị nhờ bố mẹ chị đón con về, chị có nhiều thời gian dành cho con hơn anh Q và cháu đã quen ở với chị từ nhỏ đến nay, cháu vẫn khỏe mạnh phát triển bình thường nên chị muốn được nuôi cháu để không làm ảnh hưởng đến cháu do phải thay đổi môi trường sống.

Anh Q xác định anh vẫn còn tình cảm với chị nên anh không nhất trí ly hôn; nay chị V cương quyết ly hôn thì anh nhất trí. Anh xác định có đủ điều kiện để nuôi con, anh đề nghị được nuôi con và anh không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng cho con. Anh xác định anh đi làm tại Công ty Cổ phần C, cách nhà anh khoảng 40 km, anh di chuyển đi làm hết khoảng 45 phút, anh làm ca 12 giờ/ngày, một ngày anh đi làm vừa đi vừa về hết khoảng 13 giờ đến 14 giờ; anh làm ca ngày hoặc ca đêm luân phiên nhau. Anh xác định đã trả được hết các nợ riêng của anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng) thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc V, cho chị V ly hôn anh Phạm Xuân Q. Về con chung: Giao con là Phạm Hà V, sinh ngày 26/6/2019 cho chị Nguyễn Thị Ngọc V chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng cho con của chị V. Về tài sản chung, nợ chung: Không. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc V khởi kiện ly hôn bị đơn anh Phạm Xuân Q, trú tại thôn T, xã A, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là thôn T, xã C, thành phố Hải Phòng), Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phù hợp với khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng) vào ngày 05/12/2018 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị V xác định vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hoà hợp với nhau, nguyên nhân do anh Q chơi bời dẫn đến thất thoát kinh tế, không quan tâm đến vợ con. Chị đã nhiều lần tha thứ và cho cơ hội nhưng anh Q vẫn chơi bời, kinh tế gia đình chỉ do một mình chị gánh vác. Do áp lực về kinh tế nên tháng 4 năm 2021, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở, vợ chồng mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Anh Q cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn là do anh làm thất thoát kinh tế gia đình, hiện vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng ly thân nhau từ tháng 4 năm 2021 đến nay, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn anh Q. Anh Q xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn, chị V cương quyết ly hôn thì anh đồng ý. Như vậy, anh Q đã phá tán tài sản gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng; vợ chồng không quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, đã sống ly thân, không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung giữa hai anh chị đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị V, cho chị được ly hôn anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị V và anh Q có một con là Phạm Hà V, sinh ngày 26/6/2019; hiện nay con đang sống cùng với anh Q do anh không cho chị V đón con. Cả hai anh chị đều xác định có mức thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con, đều đề nghị được nuôi con và không có yêu cầu về việc cấp dưỡng cho con. Chị V có mức thu nhập bình quân cụ thể = $(11.608.000 + 12.821.000 + 14.131.000)/3 = 12.853.000$ đồng/tháng; anh Q có mức thu nhập bình quân cụ thể = $(9.461.000 + 9.601.000 + 9.816.000)/3 = 9.626.000$ đồng/tháng; chị V đi làm vừa đi vừa về mỗi ngày hết khoảng 11 giờ 40 phút, anh Q đi làm vừa đi vừa về mỗi ngày hết khoảng 13 giờ 30 phút. Như vậy, chị V có thu nhập cao hơn và có thể có nhiều thời gian chăm sóc con hơn anh Q. HĐXX xét thấy nguyện vọng muốn nuôi con của anh chị đều là chính đáng; HĐXX thấy chị V có điều kiện, khả năng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tốt hơn, anh Q đã từng phá tán tài sản gia đình, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng; cháu Phạm Hà

V là con gái sống từ nhỏ với chị V, cháu vẫn phát triển bình thường, giữa cháu và chị V có sự gắn bó, thân thiết, có sự quan tâm của người mẹ; để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống của con và quyền lợi mọi mặt của con anh chị, HĐXX cần giao cháu V cho chị V trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. HĐXX cũng giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con của anh chị nhưng anh chị đều không có yêu cầu nên cần chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng cho con của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh chị đều không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Ngọc V ly hôn anh Phạm Xuân Q.

2. Về nuôi con: Giao con là Phạm Hà V, sinh ngày 26/6/2019 cho chị Nguyễn Thị Ngọc V trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị V tự nguyện không yêu cầu anh Phạm Xuân Q phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Xuân Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0002251 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng); chị Nguyễn Thị Ngọc V đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND xã C, TP Hải Phòng (nơi đăng ký kết hôn)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Đình Thi